TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2024/KDTM-PT
Ngày: 25/7/2024
V/v tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Chinh

Bà Lưu Thị Đoan Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thúy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 134/2024/TLPT-KDTM ngày 29/5/2024 về việc "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 992/2024/KDTM-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3285/2024/QĐPT-KDTM ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9501/2024/QĐ-HPT ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn P; địa chỉ: Lô 30-32-34 đường số 3, KCN T, phường Ta, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thanh Ngân, sinh năm 1998; Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2024).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn I; địa chỉ: số 10 đường Lương Định Của, Khu phố 2, phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Minh Nh, sinh năm 1995; địa chỉ: 402A đường Nguyễn Văn L, Phường M Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 31/3/2023).

Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn I kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 992/2024/KDTM-ST ngày 27/3/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P do bà Lê Thanh Ngân làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn P (viết tắt là Công ty P) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn I (viết tắt là Công ty I) đã thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa là băng nhám và dây giày theo phương thức đặt hàng, bên bán giao hàng và xuất hóa đơn và yêu cầu bên mua thanh toán theo đơn đặt hàng và hóa đơn đã xuất tương ứng.

Từ ngày 24/01/2022 đến ngày 19/5/2022, Công ty I đã gửi đơn đặt hàng đến Công ty P. Công ty P đã giao hàng và xuất hóa đơn theo yêu cầu của Công ty I theo thông tin như sau:

TT	Ký hiệu, số, ngày hóa đơn	Tên hàng	Số lượng	Đơn vị tính	Thành Tiền (VNĐ)	Tổng tiền bao gồm VAT
1	C22TPH 00006289 10/5/2022	Băng nhám Dây giày	57.158.00 24.564.00	Yard Đôi	344.285.943	371.828.818
2	C22TPH 00008189 20/6/2022	Băng nhám	3.909.50	Yard	16.972.944	18.330.780
3	C22TPH 000010339 05/8/2022	Băng nhám	250	Yard	3.114.120	3.363.250
	Tổng cộng					393.522.848

Tất cả hàng hóa của các đơn đặt hàng từ ngày 24/01/2022 đến ngày 19/5/2022 được Công ty P giao hoàn tất cho Công ty I mà không có bất kỳ sự khiếu nại nào liên quan đến chất lượng, số lượng, chủng loại hàng hóa. Công ty P đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng vào các ngày 10/5/2022 là 371.828.818 đồng; ngày 20/6/2022 là 18.330.780 đồng; ngày 05/8/2022 là 3.363.250 đồng; cho Công ty I với tổng số tiền là 393.522.848 đồng. Công ty P đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán tiền hàng còn thiếu thông qua điện thoại, email, zalo, thậm chí nhân viên đến trụ sở chính của Công ty I với mong muốn gặp trực tiếp người đại diện có thẩm quyền để yêu cầu thanh toán tiền hàng nhưng hoàn toàn không được phía Công ty I đón tiếp và không có bất kỳ sự phản hồi nào về việc thanh toán công nợ 393.522.848 đồng.

Ngày 16/8/2022 P tiếp tục gửi cho Công ty I công văn đề nghị thanh toán tiền hàng còn thiếu, tuy nhiên Công ty P vẫn không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ phía Công ty I.

Việc Công ty I cố tình không thanh toán số tiền còn thiếu đã gây cho Công ty P nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty P đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết: buộc Công ty I thanh toán cho Công ty P khoản nợ gốc là 393.522.848 đồng (Ba trăm chín mươi ba triệu năm trăm hai mươi hai ngàn tám trăm bốn mươi tám đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán tạm tính trên khoản nợ với lãi suất 15%/năm kể từ ngày 16/8/2022 Công ty P gửi công nợ yêu cầu Công ty I thanh toán ngày 16/8/2022 đến ngày 04/8/2023 là (393.522.848 đồng x 353 ngày x15%)/365 ngày = 57.087.766 đồng.

2. Tại các biên bản hòa giải ngày 04/8/2023, ngày 07/3/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn I do ông Lê Minh Nhật là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty I xác nhận có mua bán hàng hóa với Công ty P và đã nhận đủ số lượng hàng hóa băng nhám và dây giày, đúng chất lượng và chủng loại như phía Công ty P trình bày. Hiện Công ty I đang chuyển đổi trụ sở và cơ cấu lại công ty nên chưa thống nhất được công nợ với Công ty P vì vậy chưa có ý kiến cụ thể đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

3. Tại bản án sơ thẩm đã tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH P: Buộc Công ty TNHH I phải thanh toán cho Công ty TNHH P tổng số tiền là 488.776.940 (bốn bốn trăm tám mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi đồng); trong đó nợ gốc là 393.522.848 (ba trăm chín mươi ba triệu năm trăm hai mươi hai ngàn tám trăm bốn mươi tám đồng); tiền lãi từ ngày 16/8/2022 đến ngày 27/3/2024 là 95.254.092 (chín mươi lăm triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn không trăm chín mươi hai đồng).

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/4/2024, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận được đơn kháng cáo ghi ngày 04/4/2024 của bị đơn Công ty I kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty I giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; Công ty P không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của Công ty I, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Kháng cáo của Công ty I là không có căn cứ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty I, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Bản án sơ thẩm số 992/2024/KDTM-ST của Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 27/3/2024. Ngày 05/4/2024, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận được đơn kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận về thời hạn.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn Công ty I yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các tài liệu do phía nguyên đơn Công ty P cung cấp nhưng chưa được bị đơn đối chiếu công nợ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là không khách quan và vi phạm tố tụng.

[2.1] Căn cứ trình bày của nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận giữa Công ty P và Công ty I có giao dịch mua bán hàng hóa bằng hình thức đặt hàng qua thư điện tử từ ngày 24/01/2022 đến ngày 04/4/2022; căn cứ vào sự thừa nhận của Công ty I đã được Công ty P giao hàng đúng chất lượng, số lượng băng nhám và dây giày. Công ty P đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty I vào các ngày 10/5/2022 là 371.828.818 đồng; ngày 20/6/2022 là 18.330.780 đồng; ngày 05/8/2022 là 3.363.250 đồng với tổng số tiền là 393.522.848 đồng. Như vậy, có cơ sở để xác định Công ty P đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên giao hàng theo quy định tại Điều 34 của Luật Thương mại, do đó Công ty I phải có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho Công ty P theo hóa đơn đã xuất.

[2.2] Công ty P nhiều lần gửi thư điện tử thông báo nhắc nợ đối với Công ty I, lần cuối cùng là ngày 16/8/2022. Đến ngày 24/11/2022, Công ty P tiếp tục gửi Văn bản nhắc nợ ngày nhưng Công ty I vẫn không có ý kiến phản hồi. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Công ty I liên tục cho rằng do đang cơ cấu lại công ty nên chưa thể đối chiếu, xác nhận công nợ đối với các đơn hàng trên, chưa xác định được thư điện tử thông báo nợ và không đồng ý với khoản tiền hàng còn nợ do Công ty P yêu cầu nhưng đến nay Công ty I vẫn tiếp tục giữ ý kiến chưa thể đối chiếu công nợ mà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh đã thanh toán tiền hàng cho Công ty P. Như vậy, việc Công ty I cố tình nêu lý do công ty chưa ổn định để trì hoãn việc thanh toán tiền hàng cho Công ty P là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P buộc Công ty I có nghĩa vụ trả số tiền hàng 393.522.848 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Xét về tiền lãi chậm trả:

Theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".*

Do Công ty P và Công ty I không thỏa thuận về tiền lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử căn cứ vào thư điện tử thông báo nhắc nợ ngày 16/8/2022 để xác định ngày tính lãi. Công ty P yêu cầu tính lãi từ ngày 16/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 27/3/2024 là 589 ngày.

Căn cứ vào mức lãi suất nợ vay trong hạn do các ngân hàng cung cấp theo yêu cầu của Tòa án như sau: Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn là 12.5%/năm (Văn bản số 521/CV-CNĐSG-P.TH ngày 17/7/2023); Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 9 là 11.1%/năm (Văn bản số 333/NHNo.CN9-KTNB ngày 17/4/2023); Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định là 12%/năm (Văn bản số 279/GĐI-KT ngày 21/4/2023). Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn, lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng nêu trên là 17.8%/năm.

Công ty P yêu cầu Công ty I trả tiền lãi quá hạn tính theo mức lãi suất 15%/năm là ít hơn so với mức lãi quá hạn được quy định. Xét, đây là sự tự nguyện của Công ty P và có lợi cho Công ty I nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi được tính như sau: (393.522.848 đồng x 589 ngày x15%)/365 ngày = 95.254.092 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu về tiền lãi chậm trả của Công ty P là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật.

[2.4] Công ty I cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ của Công ty P cung cấp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, việc mua bán và giao nhận hàng hóa giữa hai bên đã được Công ty I thừa nhận như đã phân tích tại mục [2.1], do đó đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cấp sơ thẩm xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của Công ty I về việc hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty I, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: bị đơn phải chịu là 2.000.000 đồng do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 92, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 50, Điều 55, Điều 306 của Luật Thương mại.

- Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty I. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 992/2024/KDTM-ST ngày 27/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn P:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn I phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn P tổng số tiền là 488.776.940 (bốn trăm tám mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi đồng); trong đó nợ gốc là 393.522.848 (ba trăm chín mươi ba triệu năm trăm hai mươi hai ngàn tám trăm bốn mươi tám đồng); tiền lãi từ ngày 16/8/2022 đến ngày 27/3/2024 là 95.254.092 (chín mươi lăm triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn không trăm chín mươi hai đồng).

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

1.2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn I phải nộp án phí là 23.551.078 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm năm mươi mốt nghìn không trăm bảy mươi tám đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn P số tiền 9.838.071 đồng (chín triệu tám trăm ba mươi tám nghìn không trăm bảy mươi mốt đồng) theo biên lai

thu tiền số AA/2022/0008161 ngày 22/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh khi án có hiệu lực pháp luật.

1.3 Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn I phải chịu là 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000026444 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Trách nhiệm hữu hạn I đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

2. Các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ thi hành án tại cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố Thủ Đức, TPHCM;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Quỳnh Anh

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND thành phố, Tp. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

Lê Thị Quỳnh Anh